

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 07-12-2022
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Sơn Tây
2. Bà Trần Thị Mộng Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa: Ông Võ Anh Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 278/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc: “Ly hôn”, theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 92/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện P, Thành phố Hà Nội; tạm trú: Tổ 8, khu phố 3, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Bị đơn: Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện P, Thành phố Hà Nội; tạm trú: Tổ 8, khu phố 3, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn Đ tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện P, tỉnh Hà Sơn Bình (nay là xã M, huyện P, Thành phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25/1978, ngày 25/8/1978.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc và có 04 người con nhưng thời gian gần đây, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng không đồng cảm. Ông Đ thường xuyên uống rượu, có mối quan hệ bất chính với người khác, không chăm lo cho vợ con. Hai vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn sống chung nhà. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung với nhau. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, bà T mong muốn được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung gồm: Phạm Thị H, sinh năm 1980; Phạm Văn H1, sinh năm 1982; Phạm Thị H2, sinh năm 1984 và Phạm Văn H3, sinh năm 1987. Các con đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ thống nhất với ý kiến trình bày của bà T về việc tự nguyện kết hôn và những mâu thuẫn vợ chồng phát sinh trong quá trình chung sống. Tuy nhiên, bà T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn không đúng sự thật, đặt chuyện và ghen tuông vô cớ. Ông T không đồng ý ly hôn, bởi vì vợ chồng đã sống hơn ba mươi năm, có 04 người con đã trưởng thành, vợ chồng cùng nhau tạo lập tài sản, nay cả hai đã lớn tuổi và nghỉ hưu, nếu ly hôn thì ảnh hưởng đến danh dự gia đình, dòng tộc.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung gồm: Phạm Thị H, sinh năm 1980; Phạm Văn H1, sinh năm 1982; Phạm Thị H2, sinh năm 1984 và Phạm Văn H3, sinh năm 1987. Các con đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Biên bản xác minh tại UBND phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương xác định: Ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị T có chung hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã H, huyện P, Thành phố Hà Nội; có đăng ký tạm trú tại tổ 8, khu 3, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống tại địa phương, ông Đ và bà T có phát sinh mâu thuẫn, đôi lúc mâu thuẫn gay gắt, đánh nhau. Địa phương có tổ chức hòa giải, can ngăn nhưng không lập biên bản. Do đương sự có mâu thuẫn nhưng không gửi đơn yêu cầu giải quyết nên địa phương không có biên bản xử lý.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn không đồng ý ly hôn vì sợ ảnh hưởng đến danh dự gia đình nhưng không có biện pháp hàn gắn, giải quyết mâu thuẫn vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định.

- Về nội dung vụ án: Mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Đ và bà T đã trầm trọng. Ông Đ không đồng ý ly hôn với lý do sợ ảnh hưởng đến danh dự gia đình nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm, bà T kiên quyết xin ly hôn. Yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết, con chung đã trưởng thành nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn Đ tự nguyện kết hôn, chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồng Minh, huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Sơn Bình (nay là xã H, huyện P, Thành phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25/1978, ngày 25/8/1978 là hôn nhân hợp pháp.

[3] Bà Nguyễn Thị T xác định nguyên nhân mâu thuẫn do ông Đ thường xuyên uống rượu, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không chăm lo cho vợ con. Hai vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung với nhau nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Đ. Bị đơn ông Phạm Văn Đ không đồng ý với nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo lời bà T trình bày, ông Đ xác Đ không còn tình cảm yêu thương đối với bà T nhưng không đồng ý ly hôn vì cả hai đã lớn tuổi, việc ly hôn sẽ ảnh hưởng đến danh dự gia đình.

[4] Xét thấy, bà T và ông Đ đều xác Đ mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, hiện tại vợ chồng đã không còn sống chung nhà. Ông Đ cho rằng vợ chồng đã lớn tuổi, việc ly hôn sẽ ảnh hưởng đến danh tiếng gia đình là không chính đáng. Ông Đ cũng không có biện pháp hàn gắn tình cảm. Bà T kiên quyết yêu cầu ly hôn. Do đó, có thể xác Đ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, bà T yêu cầu ly hôn với ông Đ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 04 con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận Đ của Hội đồng xét xử.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy Đ của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn ông Phạm Văn Đ về việc “Ly hôn” như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Phạm Văn Đ.

- *Về con chung:* Các con đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006419 ngày 01/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên (01);
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: VT, HS (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Quỳnh Nga